TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

======***======



BÁO CÁO BTL THUỘC HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH ĐẶC TẢ CÁC YÊU CẦU PHẦN MỀM

PHÂN TÍCH ĐẶC TẢ CÁC YỀU CẦU WEBSITE ABC

GVHD: Ths Ngô Thị Bích Thúy

Nhóm - Lớp: 1 - CNTT2K10

Thành viên: Nguyễn Văn A

Nguyễn Văn B

• • •

LỜI MỞ ĐẦU

<Giới thiệu sơ qua về đề tài>

MỤC LỤC

Chương 1.	Khảo sát hệ thống	4
Chương 2.	Mô hình hóa dữ liệu	. 10
Chương 3.	Mô hình hóa chức năng	. 14
3.1 Biể	bu đồ use case	. 14
3.1.1	Các use case chính	. 14
3.1.2	Các use case thứ cấp	. 16
3.1.3	Phân rã một số use case	. 18
3.2 Mô	tả chi tiết các use case	. 18
3.2.1	Mô tả use case Xem cửa hàng tranh (Họ tên người làm)	. 18
3.2.2	Mô tả use case Bảo trì cửa hàng (Họ tên người làm)	. 19
3.2.3	Mô tả use case tên use case 2 (Họ tên người làm)	. 20
3.2.4	Mô tả use case tên use case n (Ho tên người làm)	. 21

Chương 1. Khảo sát hệ thống

1.1 Khảo sát sơ bộ

1.1.1 Mục tiêu

<HD: Tìm kiếm thông tin gì>

1.1.2 Phương pháp

• Phỏng vấn

<HD: Lập một kế hoạch phỏng vấn theo mẫu>

<HD: Tạo một mẫu phiếu phỏng vấn theo kế hoạch>

• Phiếu điều tra

< HD: Lập một mẫu phiếu điều tra>

• Quan sát

< HD: Mô tả một vài hoạt động quan sát>

1.1.3 Đối tượng khảo sát

< HD: Đối tượng thực hiện phỏng vấn, điều tra, quan sát>

1.1.4 Kết quả sơ bộ

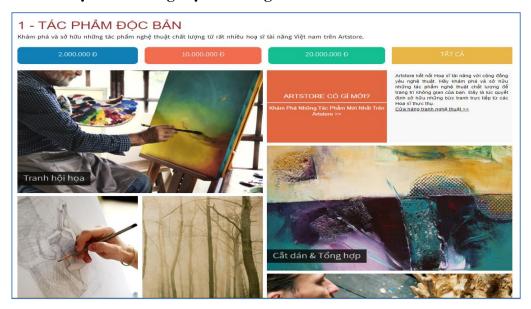
< HD: Mô tả sơ qua về hệ thống: địa chỉ, lịch sử, tổ chức, hoạt động kinh doanh....>

1.1.5 Các tài liệu thu thập được

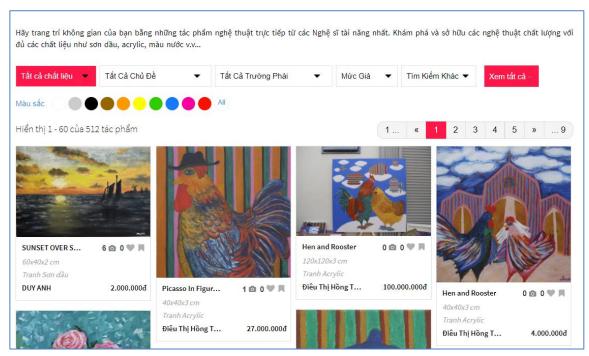
Các cửa hàng tranh



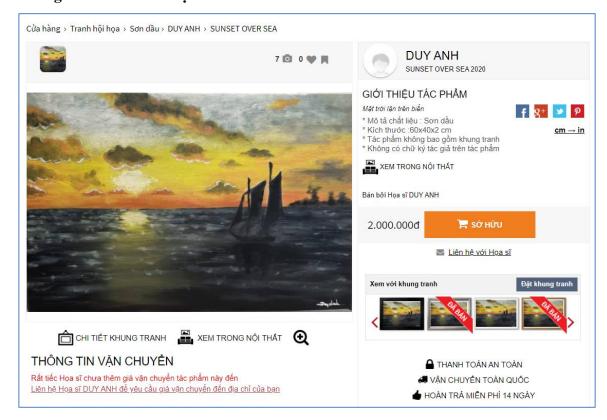
Các thể loại tranh trong một cửa hàng tranh



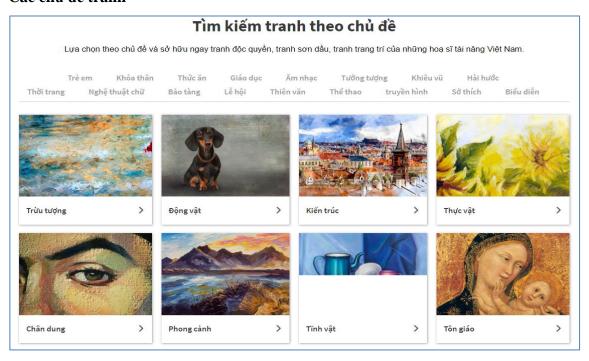
Các bức tranh trong một thể loại tranh



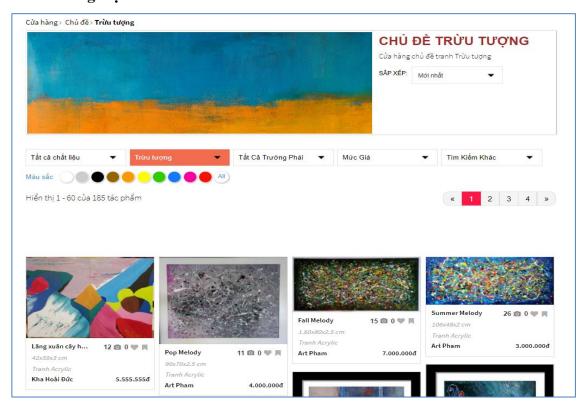
Thông tin chi tiết của một bức tranh



Các chủ đề tranh

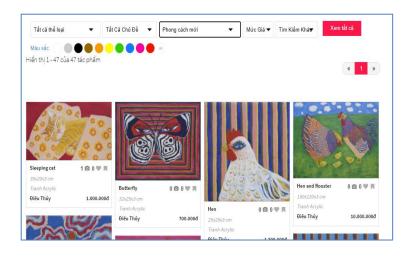


Tranh trong một chủ đề



Các trường phái





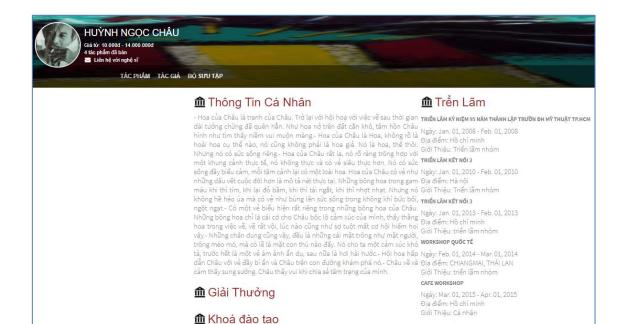
Thông tin về các họa sĩ

Hoạ sĩ yêu thích



Họa sĩ: huỳnh ngọc châu

ĐỒNG NAI - VIỆT NAM



1.2 Khảo sát chi tiết

1.2.1 Hoạt động của hệ thống

< HD: Mô tả cụ thể các hoạt động của hệ thống>

1.2.2 Các yêu cầu chức năng

< HD: Liệt kê các yêu cầu chức năng của hệ thống>

1.2.3 Các yêu cầu phi chức năng

< HD: Liệt kê các yêu cầu phi chức năng của hệ thống: Các yêu cầu về ngôn ngữ trên hệ thống, về môi trường cài đặt, về tính hiệu năng thời gian đáp ứng,...>

Chương 2. Mô hình hóa dữ liệu

2.1 Các yêu cầu về dữ liệu

Website https://www.artstore.vn/ là một sàn giao dịch trực tuyến cho việc trưng bày và bán các tác phẩm nghệ thuật. Website cần lưu thông tin về:

Các cửa hàng: gồm có mã cửa hàng, tên cửa hàng và ảnh minh họa. Trong một cửa hàng tranh có bán 1 hoặc nhiều thể loại tranh. Mỗi thể loại tranh cần phải có trong 1 cửa hàng.

Các thể loại tranh: gồm có mã thể loại, tên thể loại tranh và ảnh minh họa. Trong một thể loại tranh có thể có 0, 1 hoặc nhiều bức tranh. Mỗi bức tranh cần thuộc về một thể loại tranh.

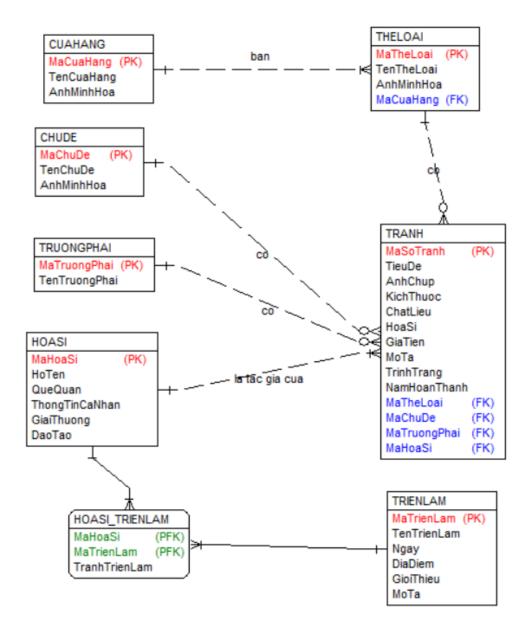
Các bức tranh: gồm có mã số tranh, tiêu đề tranh, ảnh chụp bức tranh, kích thước, chất liệu, họa sĩ, giá tiền, mô tả, tình trạng và năm hoàn thành.

Các chủ đề tranh: gồm có mã chủ đề, tên chủ đề và ảnh minh họa. Trong một chủ đề có thể có 0,1 hoặc nhiều bức tranh. Một bức tranh cần phải thuộc vào một chủ đề.

Các trường phái tranh: gồm có mã trường phái, tên trường phái. Trong một trường phái có thể có 0,1 hoặc nhiều bức tranh. Một bức tranh cần thuộc về 1 trường phái. Các họa sĩ: gồm có mã họa sĩ, họ tên, quê quán, thông tin cá nhân, giải thưởng, đào tạo. Một họa sĩ cần là tác giả của 1 hoặc nhiều bức tranh. Mỗi bức tranh cần thuộc về chỉ một hoa sĩ.

Các triển lãm: bao gồm mã triển lãm, tên triển lãm, ngày, địa điểm, giới thiệu và mô tả. Một triển lãm có thể thuộc về 0, 1 hoặc nhiều họa sĩ. Một họa sĩ có thể mở 0, 1 hoặc nhiều triển lãm.

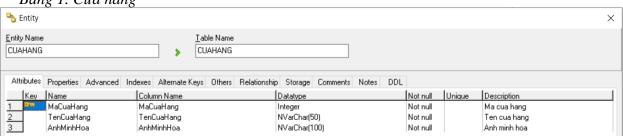
2.2 Biểu đồ thực thể liên kết mức logic

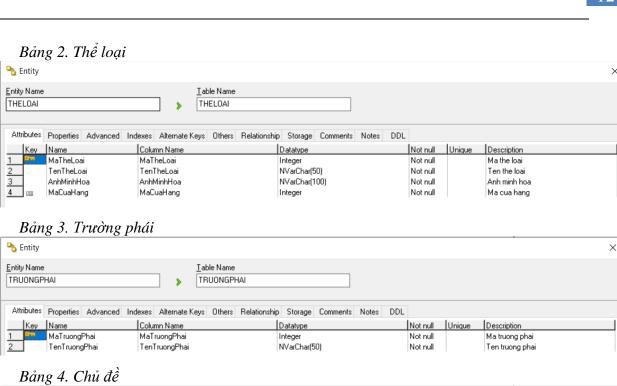


2.3 Mô hình cơ sở dữ liệu mức vật lý

2.4 Thiết kế bảng

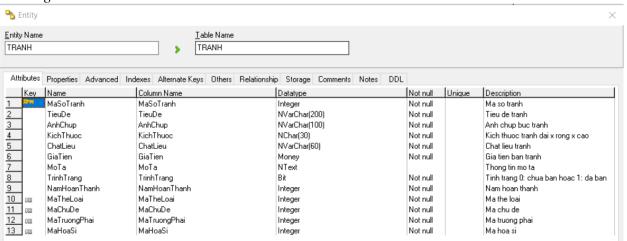
Bảng 1. Cửa hàng



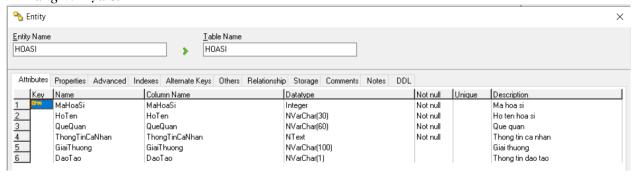




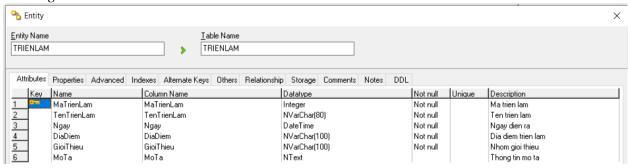
Bång 5. Tranh



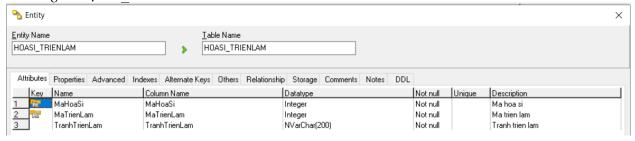
Bảng 6. Họa sĩ



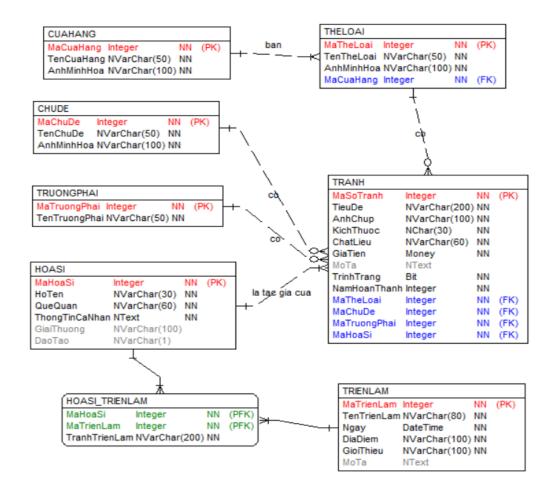
Bảng 7. Triển lãm



Bảng 8. Họa sĩ Triển lãm



2.5 Biểu đồ thực thể liên kết mức vật lý

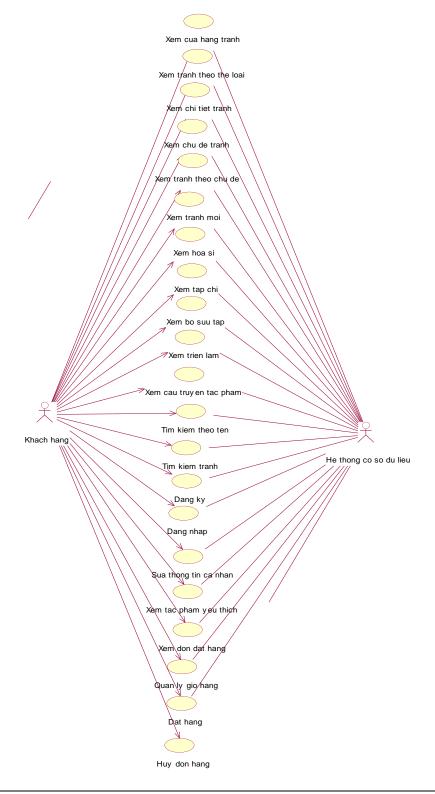


Chương 3. Mô hình hóa chức năng

3.1 Biểu đồ use case

<HD: Vẽ biểu đồ use case tổng quát gồm tất cả các use case của hệ thống>

3.1.1 Các use case chính

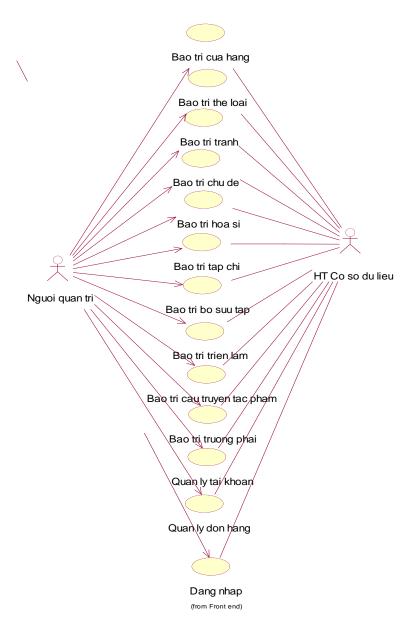


- 1) **Xem cửa hàng tranh**: Cho phép khách hàng xem thông tin các cửa hàng tranh.
- 2) **Xem tranh theo thể loại**: Cho phép khách hàng xem các bức tranh trong từng thể loại tranh.
- 3) **Xem chi tiết tranh**: Cho phép khách hàng xem thông tin chi tiết về các bức tranh.
- 4) Xem chủ đề tranh: Cho phép khách hàng xem các chủ đề tranh.
- 5) **Xem tranh theo chủ đề**: Cho phép khách hàng xem các bức tranh trong từng chủ đề tranh.
- 6) **Xem tranh mới**: Cho phép khách hàng các bức trang mới được các họa sĩ hoàn thành và giới thiệu.
- 7) **Xem họa sĩ**: Cho phép khách hàng xem thông tin về các họa sĩ.
- 8) **Xem tạp chí**: Cho phép khách hàng đọc các bài viết trên tạp chí mỹ thuật.
- 9) **Xem bộ sưu tập**: Cho phép khách hàng xem thông tin về các bộ sưu tập tranh.
- 10) **Xem triển lãm**: Cho phép khách hàng xem thông tin các cuộc triển lãm tranh.
- 11) **Xem câu truyện tác phẩm**: Cho phép khách hàng đọc câu truyện liên quan đến các bức tranh.
- 12) **Tìm kiếm theo tên**: Cho phép khách hàng tìm thông tin theo tên họa sĩ và tiêu đề tranh.
- 13) **Tìm kiếm tranh**: Cho phép khách tìm các bức tranh theo thể loại, chủ đề, trường phái, mức giá và một số tiêu chí khác.
- 14) Đăng ký: Cho phép khách hàng đăng ký tài khoản thành viên.
- 15) **Đăng nhập**: Cho phép khách hàng đăng nhập vào tài khoản thành viên.
- 16) **Sửa thông tin cá nhân**: Cho phép khách hàng sửa thông tin cá nhân trong tài khoản thành viên.
- 17) **Xem tác phẩm yêu thích**: Cho phép khách hàng xem danh sách các

tác phẩm yêu thích của mình.

- 18) Xem đơn đặt hàng: Cho phép khách hàng xem các đơn hàng mà đã đặt.
- 19) **Quản lý giỏ hàng**: Cho phép khách hàng thêm hàng vào giỏ, xóa một mặt hàng trong giỏ, sửa số lượng hàng trong giỏ và xóa toàn bộ giỏ hàng.
- 20) **Đặt hàng**: Cho phép khách hàng đặt mua các mặt hàng trong giỏ hàng.
- 21) Hủy đơn hàng: Cho phép khách hàng hủy một đơn hàng đã đặt.

3.1.2 Các use case thứ cấp



- 1) **Bảo trì cửa hàng**: Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng CUAHANG.
- 2) **Bảo trì thể loại**: Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng THELOAI.
- 3) **Bảo trì tranh**: Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng TRANH.
- 4) **Bảo trì chủ đề**: Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng CHUDE.
- 5) **Bảo trì họa sĩ**: Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng HOASI.
- 6) **Bảo trì tạp chí**: Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng TAPCHI.
- 7) **Bảo trì bộ sưu tập**: Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng BOSUUTAP.
- 8) **Bảo trì triển lãm**: Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng TRIENLAM.
- 9) **Bảo trì câu truyện tác phẩm**: Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng CAUTRUYENTP.
- 10) **Bảo trì trường phái**: Cho phép người quản trị xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng TRUONGPHAI.
- **11) Quản lý tài khoản**: Cho phép người quản trị xem, sửa trạng thái, xóa thông tin trong bảng TAIKHOAN.
- 12) Quản lý đơn hàng (xem đơn hàng, xem chi tiết đơn hàng, sửa trạng thái đơn hàng): : Cho phép người quản trị xem thông tin trong bảng DONHANG và bảng CHITIETDH, sửa trạng thái của đơn hàng trong bảng DONHANG, xóa thông tin trong bảng DONHANG và CHITIETDH.

3.1.3 Phân rã một số use case

<HD: Vẽ biểu đồ use case với các use case có quan hệ include, extend>

3.2 Mô tả chi tiết các use case

3.2.1 Mô tả use case Xem cửa hàng tranh (Họ tên người làm)

Use case này cho phép khách hàng xem thông tin về các cửa hàng tranh.

• Luồng sự kiện:

Luồng cơ bản:

- 1) Use case này bắt đầu khi khách hàng kích chuột vào nút "ArtStore" trên thanh menu. Hệ thống sẽ lấy thông tin về các cửa hàng tranh gồm tên cửa hàng và ảnh minh họa từ bảng CUAHANG và hiển thị lên màn hình.
- 2) Khách hàng kích vào tên một cửa hàng trong danh sách. Hệ thống sẽ lấy tên thể loại và ảnh minh họa của các thể loại tranh được bán trong cửa hàng được chọn từ bảng THELOAITRANH và hiển thị lên màn hình. Use case kết thúc.

Luồng rẽ nhánh:

- 1) Tại bước 1 trong luồng cơ bản, nếu trong bảng CUAHANG chưa có dữ liệu, thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo: "Chưa có cửa hàng nào!" và use case kết thúc.
- 2) Tại bước 2 trong luồng cơ bản, nếu không tìm thấy thể loại tranh thuộc cửa hàng được chọn từ bảng THELOAITRANH, thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo: "Không tìm thấy thể loại tranh nào thuộc cửa hàng này!" và use case kết thúc.
- 3) Tại bất kỳ bước nào trong luồng cơ bản, nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

• Các yêu cầu đặc biệt:

Không có.

• Tiền điều kiện:

Không có.

• Hậu điều kiện:

Không có.

• Điểm mở rộng:

Không có.

3.2.2 Mô tả use case Bảo trì cửa hàng (Họ tên người làm)

Use case này cho phép người quản trị xem, thêm, sửa và xóa các cửa hàng trong bảng CUAHANG.

• Luồng sự kiện:

Luồng cơ bản:

1) Use case này bắt đầu khi người quản trị kích vào nút "Cửa hàng" trên menu quản trị. Hệ thống lấy thông tin chi tiết của các cửa hàng gồm: mã cửa hàng, tên cửa hàng, ảnh minh họa từ bảng CUAHANG trong cơ sở dữ liệu và hiển thị danh sách các cửa hàng lên màn hình.

2) Thêm cửa hàng:

- a) Người quản trị kích vào nút "Thêm mới" trên cửa số danh sách cửa hàng. Hệ thống hiển thị màn hình yêu cầu nhập thông tin chi tiết cho cửa hàng gồm mã cửa hàng, tên cửa hàng, ảnh minh họa.
- b) Người quản trị nhập thông tin của tên cửa hàng, ảnh minh họa và kích vào nút "Tạo". Hệ thống sẽ sinh một mã cửa hàng mới, tạo một cửa hàng trong bảng CUAHANG và hiển thị danh sách các cửa hàng đã được cập nhật.

3) Sửa cửa hàng:

- a) Người quản trị kích vào nút "Sửa" trên một dòng cửa hàng. Hệ thống sẽ lấy thông tin cũ của cửa hàng được chọn gồm: mã cửa hàng, tên cửa hàng, ảnh minh họa từ bảng CUAHANG và hiển thị lên màn hình.
- b) Người quản trị nhập thông tin mới cho tên cửa hàng, chọn ảnh minh họa mới và kích vào nút "Cập nhật". Hệ thống sẽ sửa thông tin của cửa hàng được chọn trong bảng CUAHANG và hiển thị danh sách cửa hàng đã cập nhật.

4) Xóa cửa hàng

- a) Người quản trị kích vào nút "Xóa" trên một dòng cửa hàng. Hệ thống sẽ hiển thị một màn hình yêu cầu xác nhận xóa.
- b) Người quản trị kích vào nút "Đồng ý". Hệ thống sẽ xóa cửa hàng được chọn khỏi bảng CUAHANG và hiển thị danh sách các cửa hàng đã cập nhật.

Use case kết thúc.

Luồng rẽ nhánh:

- 1) Tại bước 2b hoặc 3b trong luồng cơ bản nếu người quản trị nhập thông tin cửa hàng không hợp lệ thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi yêu cầu nhập lại. Người quản trị có thể nhập lại để tiếp tục hoặc kích vào nút "Hủy bỏ" để kết thúc.
- 2) Tại bước 2b hoặc 3b trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút "Hủy bỏ" hệ thống sẽ bỏ qua thao tác thêm mới hoặc sửa chữa tương ứng và hiển thị danh sách các cửa hàng trong bảng CUAHANG.
- 3) Tại bước 4b trong luồng cơ bản nếu người quản trị kích vào nút "Không đồng ý" hệ thống sẽ bỏ qua thao tác xóa và hiển thị danh sách các cửa hàng trong bảng CUAHANG.
- 4) Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sử dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

• Các yêu cầu đặc biệt:

 Use case này chỉ cho phép một số vai trò như người quản trị, người chủ hệ thống thực hiện.

• Tiền điều kiện:

Người quản trị cần đăng nhập với vai trò quản trị hệ thống trước khi có thể thực hiên use case.

• Hâu điều kiên:

Nếu use case kết thúc thành công thì thông tin về cửa hàng sẽ được cập nhập trong cơ sở dữ liệu.

• Điểm mở rộng:

Không có.

3.2.3 Mô tả use case tên use case 2 (Họ tên người làm)

<HD: Viết mô tả vắn tắt use case>

• Luồng sự kiện:

o Luồng cơ bản:

<HD: Liệt kê mô tả các luồng cơ bản>

Luồng rẽ nhánh:

<HD: Liệt kê mô tả các luồng rẽ nhánh>

• Các yêu cầu đặc biệt:

<HD: Viết mô tả yêu cầu đặc biệt nếu có, ngược lại thì ghi là không có>

• Tiền điều kiện:

<HD: Viết mô tả các tiền điều kiện nếu có, ngược lại thì ghi là không có >

• Hậu điều kiện:

<HD: Viết mô tả các hậu điều kiện nếu có, ngược lại thì ghi là không có >

• Điểm mở rộng:

Không có.

3.2.4 Mô tả use case tên use case n (Họ tên người làm)

• • •